

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2022

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

2/ Ông Nguyễn Văn Hón.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 04/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thúy N, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Châu T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2021, trong quá trình tố tụng và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 17/02/2022 chị Nguyễn Thúy N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Châu T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri vào ngày 17/7/2014. Trong quá trình chung sống, chị nhận

thấy anh T không thương chị, không tôn trọng chị và cha mẹ chị nên chị và anh T xảy ra bất đồng. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, chị nhận thấy chị và anh T không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Chị và anh Nguyễn Văn Châu T có 01 con chung tên: Nguyễn Thành L, sinh ngày 31/7/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Châu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

* Theo biên bản lấy ý kiến ngày 07/02/2022 cháu Nguyễn Thành L có nguyện vọng sống với chị Nguyễn Thúy N.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt của đương sự là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thúy N và anh Nguyễn Văn Châu T có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa Tây vào năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân cách nay 02 năm. Anh T biết việc chị N yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con nhưng anh T không tham gia hòa giải, không có ý kiến phản bác yêu cầu của chị N. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Về con chung, chị N yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 31/7/2014 và cháu Liêm cũng có nguyện vọng sống với chị N. Căn cứ, Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N về việc yêu cầu ly hôn với anh T. Giao cháu Liêm cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thúy N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; anh Nguyễn Văn Châu T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt của chị N, anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy N và anh Nguyễn Văn Châu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa Tây (Ba Tri-Bến Tre) vào ngày 17/7/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Ngọc và anh T bất đồng quan điểm nhưng đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T; anh T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc anh T tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của chị Ngọc. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[2] Về con chung: Cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 31/7/2014 hiện do chị Nguyễn Thúy N nuôi dưỡng và chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng; cháu Liêm có nguyện vọng sống với chị N. Do đó, giao cháu Liêm cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thúy N phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thúy N đối với anh Nguyễn Văn Châu T.

2. Con chung: Chị Nguyễn Thúy N nuôi cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 31/7/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Châu T có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thúy N phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003656 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã An Hòa Tây;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

